



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



MỤC LỤC

	Trang
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Điểm nhấn FPT Telecom 2019	6
Tổng quan	7
• Thông tin chung	8
• Lịch sử hình thành và phát triển	9
• Ngành nghề kinh doanh	10
• Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	15
• Công ty con	16
• Giới thiệu Ban lãnh đạo	17
• Định hướng phát triển	24
Tình hình kinh doanh 2019 và kế hoạch 2020	25
• Tình hình tài chính nổi bật	26
• Đánh giá của Ban Điều hành	28
• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	32
• Kế hoạch năm 2020	34
Quản trị Công ty	35
• Hoạt động của Hội đồng Quản trị	36
• Hoạt động của Ban Kiểm soát	38
• Quan hệ Nhà đầu tư	39
• Phát triển bền vững	41
Báo cáo tài chính 2019	43
Danh bạ Công ty	77



FPT TELECOM 2019

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

Kính thưa Quý vị!

Kết thúc năm 2019, kết quả kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu thuần đạt 10,398 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1,808 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 17.9% và 24.1% so với năm 2018. Tổng tài sản đạt 13,331 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 5,023 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng toàn Công ty tiếp tục ở mức hai con số cho thấy sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong việc đổi mới hoạt động kinh doanh, đề cao tinh thần sáng tạo, cải thiện chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng.

Trong năm vừa qua, Công ty đã có nhiều bước đi đột phá nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho Quý khách hàng. Với sự bùng nổ mạnh mẽ về nội dung trên nền tảng trực tuyến, Internet giờ đây không chỉ là công cụ đọc tin tức, kết nối mọi người, mà còn là nền tảng để trao đổi dữ liệu, đăng tải thông tin, làm việc trực tuyến,... Trong bối cảnh đó, FPT Telecom đã nâng cấp băng thông các gói cước Internet cáp quang với tốc độ truy cập tối thiểu từ 22Mbps để đáp ứng nhu cầu băng thông ngày càng lớn từ khách hàng. Công ty cũng cho ra mắt hàng loạt các gói kênh và dịch vụ với nhiều tính năng mới như HBO GO, FPT Play Rogo, Foxy, FPT Camera. Với định hướng lấy khách hàng là trọng tâm, kể từ khi thành lập đến nay, FPT Telecom luôn luôn chú trọng đến hoạt động chăm sóc khách hàng qua việc bổ sung và nâng cấp hàng loạt tính năng trên ứng dụng Hi-FPT nhằm kết nối đến khách hàng gần hơn nữa.

Năm 2019 không thể không nhắc đến Dự án FoxSteps chào mừng sinh nhật thứ 31 của Tập đoàn FPT, gần 10,000 người FPT Telecom đã xuống đường, liên tục trong 23 ngày đêm, hoàn thành quãng đường tương đương 13 vòng Trái Đất, xây dựng quỹ FoxSteps trị giá 7 tỷ đồng để xây dựng 63 sân chơi miễn phí, chất lượng cao trên 59 tỉnh thành toàn quốc. Dự án đã tạo nên hiệu ứng mạnh mẽ không chỉ trong cộng đồng người FPT mà tại mỗi địa phương đều nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ chính quyền và người dân. Không chỉ mang giá trị cộng đồng to lớn và lâu dài, dự án còn là một bước tiến quan trọng trong xây dựng hình ảnh thương hiệu của FPT Telecom trên toàn quốc. Đây là một minh chứng cho tinh thần của người FPT với niềm tin, tinh thần nhiệt huyết và sự nỗ lực bền bỉ, mang công nghệ thông tin đến kết nối người dân Việt Nam lại gần nhau hơn, đặc biệt còn thể hiện khát vọng mang mạng lưới Internet FPT vươn ra thế giới, khẳng định vị thế của mình trên thị trường quốc tế.



Trong những năm tới, FPT Telecom sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng vùng phủ, nâng cao chất lượng đường truyền trong nước cũng như quốc tế để tạo nền tảng hạ tầng vững chắc cho các dịch vụ của Công ty. Công ty sẽ nỗ lực làm giàu nội dung truyền hình, phát triển các dịch vụ số cũng như bổ sung nhiều tiện ích khác cho khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số với hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ thông minh mới.

Năm 2020, FPT Telecom tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng ở mức 2 con số: doanh thu đạt 11,814 tỷ đồng, tăng trưởng 13.6% và lợi nhuận trước thuế đạt 2,022 tỷ đồng, tăng trưởng 11.8% so với năm 2019.

Với sự nhiệt huyết, tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng và quyết tâm hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Rất mong quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi, hướng đến tương lai, nâng thương hiệu FPT Telecom lên tầm cao mới.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn Quý vị,

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHU THỊ THANH HÀ

ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM 2019



10,398 tỷ

Doanh thu thuần
Tăng trưởng 17.9% YoY



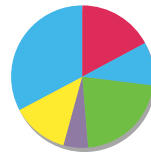
1,808 tỷ

Lợi nhuận trước thuế
Tăng trưởng 24.1% YoY



13,331 tỷ

Tổng tài sản
Tăng trưởng 13.7% YoY



5,023 tỷ

Vốn chủ sở hữu
Tăng trưởng 21.9% YoY



4,812đ/cp

EPS



227

**Văn phòng và
điểm giao dịch**



9,429

Cán bộ công nhân viên



CÁC CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ

- ★ Giải thưởng "Nhà cung cấp dịch vụ Internet Cố định được khách hàng hài lòng nhất về Chất lượng Dịch vụ và Chăm sóc Khách hàng năm 2019" của IDG
- ★ Liên tục đạt danh hiệu Sao Khuê từ năm 2012 - 2019
- ★ Giải thưởng TOP ICT 2017 của HCA
- ★ Giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi kỹ thuật số ATSA 2016
- ★ Huy chương Vàng ICT Việt Nam 2015
- ★ Thương hiệu Việt tiêu biểu 2014
- ★ Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất 2013
- ★ Huy chương Vàng đơn vị Internet, Viễn thông 2012
- ★ Huy chương Vàng đơn vị CNTT-TT Việt Nam 2006



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



TỔNG QUAN

“Chúng tôi mong muốn, trong một tương lai không xa, mỗi người dân Việt Nam sẽ sử dụng ít nhất một dịch vụ của FPT Telecom”

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 29 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 24 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

VỐN ĐIỀU LỆ: 2,487,724,840,000 đồng

TÊN VIẾT TẮT: FTEL

MÃ CHỨNG KHOÁN: FOX



Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Văn phòng Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

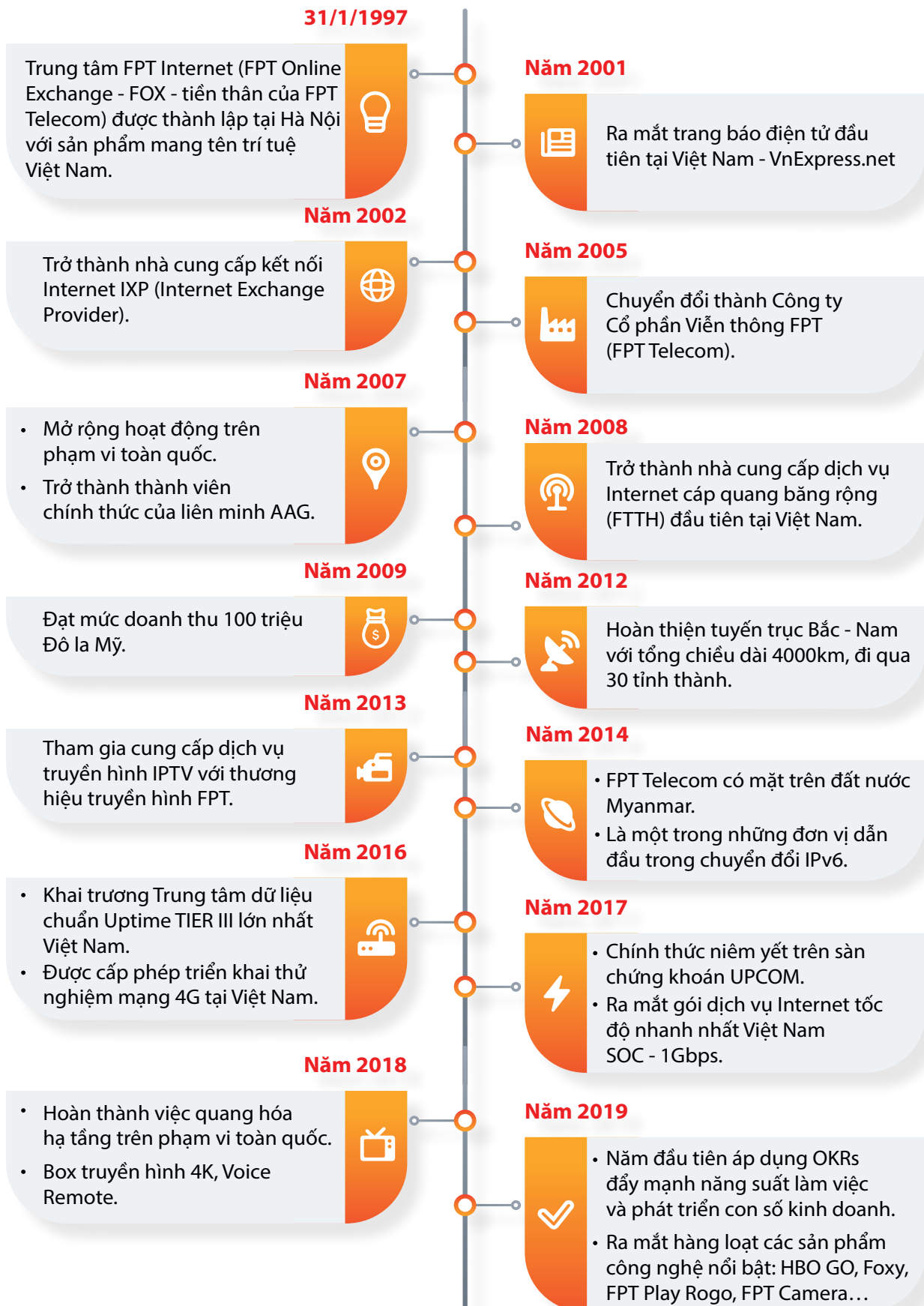
Văn phòng HCM: Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-24) 7300 2222 Fax: (84-24) 7300 8889

Website: www.fpt.vn

v www.facebook.com/FptTelecom

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



CUNG CẤP HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet);
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax giá trị gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng;
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế; Dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước;
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo;
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet;
- Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet;
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng;
- Hoạt động viễn thông có dây;



DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ NỘI DUNG SỐ

- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động;
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động;
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động;
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet; Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép số 239/GP-BTTTT;



- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ; Hoạt động chiếu phim; Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông;



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và internet;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản phần mềm; Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị truyền thông; Cổng thông tin; Quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông

CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO



CÁP QUANG FTTH



Với sự bùng nổ mạnh mẽ về nội dung trên nền tảng trực tuyến, Internet giờ đây không chỉ đơn thuần sử dụng như công cụ đọc tin tức, kết nối mọi người, mà còn là nền tảng để trao đổi dữ liệu, đăng tải thông tin, làm việc trực tuyến,... Đứng trước nhu cầu sử dụng ngày một tinh tế hơn từ người dùng, FPT Telecom cung cấp nhiều gói cước Internet cáp quang với tốc độ truy cập từ 22Mbps trở lên, đáp ứng tiêu chí nhanh về tốc độ đường truyền, sự nhanh nhạy bắt kịp xu thế công nghệ cũng như phương châm phục vụ khách hàng 24/7.



TRUYỀN HÌNH FPT



Truyền hình FPT là dịch vụ tiên phong trong việc sử dụng công nghệ IPTV tại Việt Nam, mang đến cho khách hàng những tiện ích giải trí đa dạng, mang tính tương tác cao với hơn 170 kênh trong nước và quốc tế với chất lượng hình ảnh sắc nét, âm thanh sống động.

Khách hàng có thể thưởng thức Truyền hình FPT với Gói kênh Cơ bản và Gói kênh Mở rộng. Gói Mở rộng của Truyền hình FPT gồm hơn 30 kênh truyền hình (trong đó có gần 20 kênh HD) với nội dung vô cùng đặc sắc hấp dẫn.

Với tất cả sức hấp dẫn của mình, gói Mở rộng của Truyền hình FPT luôn là người bạn đồng hành, đáp ứng nhu cầu giải trí của mọi gia đình Việt từ xem phim, thể thao, ca nhạc, tin tức ...

FOXY: là ứng dụng di động giống như màn hình thứ hai của Truyền hình FPT, hỗ trợ khách hàng xem Truyền hình FPT thông qua các thiết bị cầm tay bao gồm điện thoại di động và máy tính bảng. Với ứng dụng này, người dùng có thể xem truyền hình ở mọi nơi và trên nhiều thiết bị cùng một lúc. Khách hàng chỉ cần đăng kí tài khoản thông qua bộ giải mã FPT và cài đặt ứng Foxy trên thiết bị di động.



FPT PLAY BOX



FPT Play Box là hộp giải trí gia đình đáp ứng nhu cầu xem phim truyền hình và giải trí theo xu hướng mới, nội dung hay, xem mỗi ngày, không mất phí thuê bao hàng tháng.

FPT Play Box là giải pháp truyền hình Internet thế hệ mới đem lại cho khách hàng trải nghiệm xem truyền hình “không bị giới hạn” về nội dung, không gian, thời gian, thiết bị, nhà mạng...



KÈNH THUÊ RIÊNG (LEASED LINE)

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



TRUNG TÂM DỮ LIỆU (DATA CENTER)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn quốc tế Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.



DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

ONLINE MEDIA: Hệ thống báo điện tử VNExpress với hơn 15 tỷ lượt xem mỗi ngày.

FPT PLAY: Là ứng dụng giải trí đa phương tiện, cho phép xem truyền hình trực tuyến, phim truyện, thể thao, ca nhạc trên nhiều nền tảng khác nhau (mobile, web, Smart TV) trên mọi nền tảng như Windows, Web, Iphone IOS, Android và mọi loại thiết bị như Smartphone, SmartTV, Android TV, Smart TV Box...

FSHARE: Là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) với dung lượng, hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế của FPT.

FSEND: Là dịch vụ gửi tập tin tốc độ cao, hỗ trợ dung lượng lớn đến 20GB qua email mà không cần đăng ký tài khoản.

MIX166: Mix 166 là một ứng dụng nghe nhạc EDM (Electronic Dance Music) đầu tiên ở Việt Nam. Đây là nơi các nghệ sĩ giao lưu đăng tải, và có thu nhập từ chính các sản phẩm âm nhạc của mình. Mix166 được kỳ vọng trở thành một cộng đồng dành riêng cho các tín đồ của dòng nhạc EDM.

STARTALK: Startalk đem đến một nền tảng truyền hình trực tuyến đầu tiên của Việt Nam. Các thông tin xã hội, showbiz, thời trang, làm đẹp, ăn chơi, cộng đồng đều được thể hiện dưới dạng video clip, trực quan, sinh động và hấp dẫn.





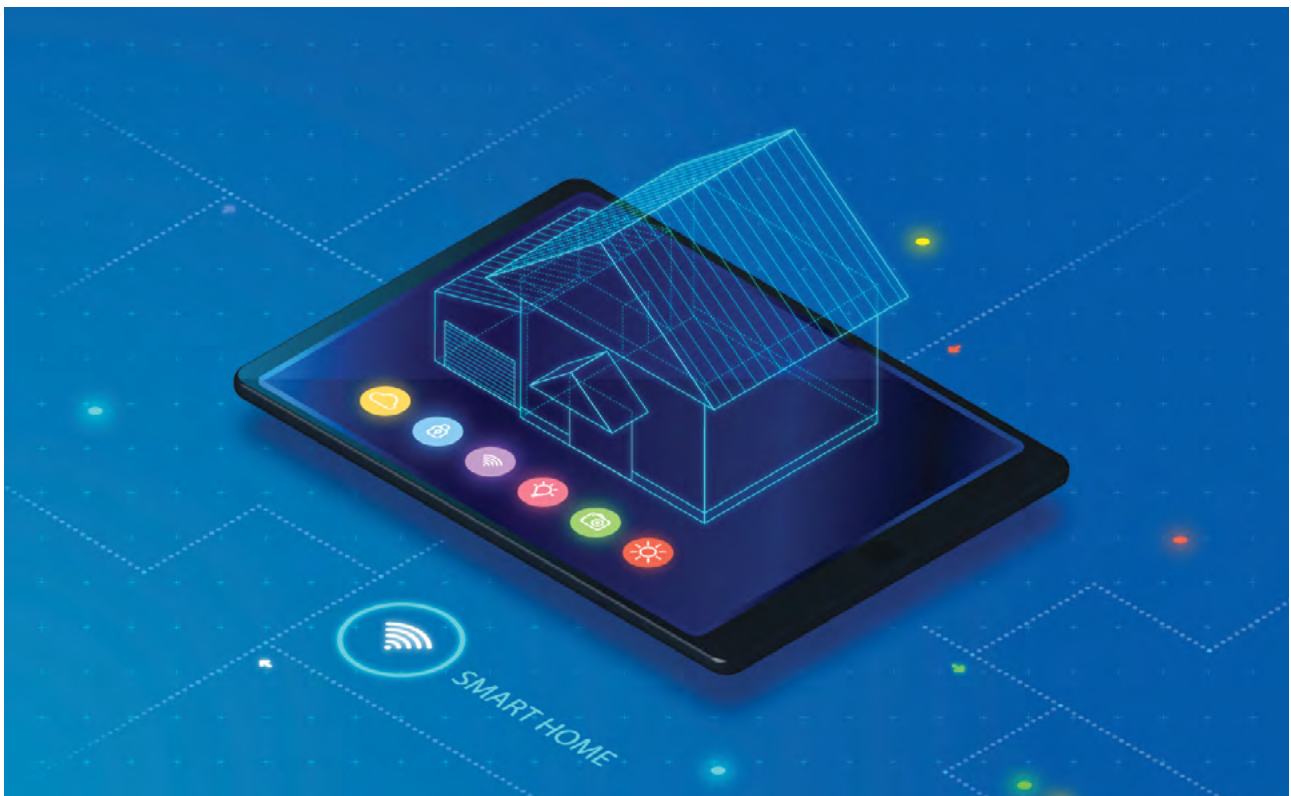
SMART HOME:

FPT PLAY ROGO: Nền tảng FPT Play Rogo dựa trên bộ thiết bị Box FPT Play +, biến Box trở thành một thiết bị trung tâm trong gia đình dựa vào kết nối Bluetooth 4.0 + và Wifi. Sản phẩm ứng dụng công nghệ AI cho phép FPT Play Box điều khiển tất cả các thiết bị nhà thông minh thông qua giọng nói và kết nối với các hệ sinh thái tương tác giọng nói có sẵn trên thị trường như Google Home, Alexa... Đặc biệt, sản phẩm này tích hợp điều khiển giọng nói bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.

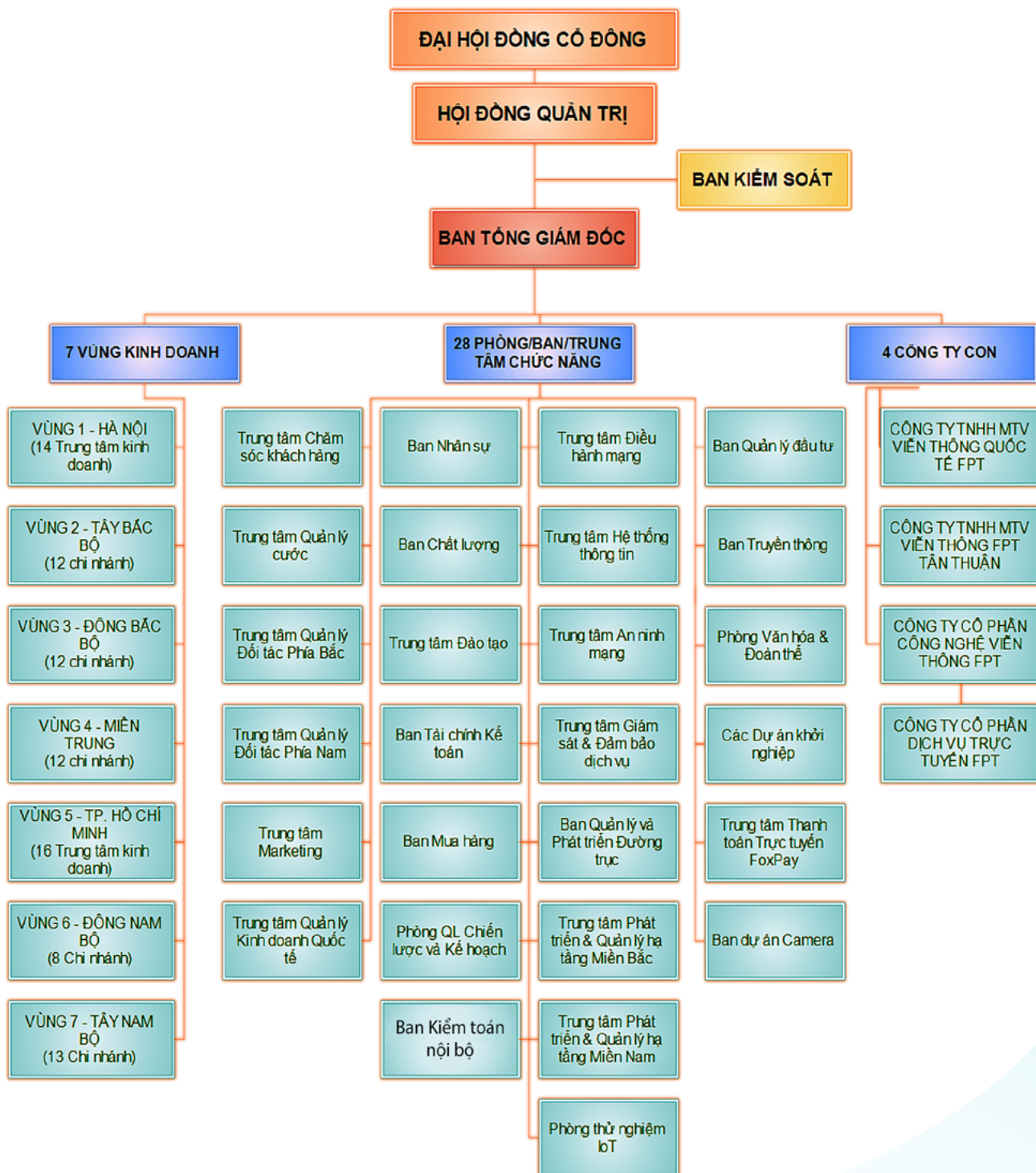
FPT CAMERA: FPT Camera là một sản phẩm công nghệ của FPT Telecom, được ra mắt thị trường Việt Nam vào năm 2019. Với mục tiêu phục vụ số lượng lớn khách hàng sử dụng hệ thống Camera an ninh, FPT Telecom đem tới một dịch vụ tiện lợi - thông minh, hỗ trợ giám sát an toàn và bảo mật thông tin.

Ưu điểm chính của FPT Camera là ổn định về tín hiệu, chất lượng hình ảnh cao, kết nối với nhiều thiết bị di động, sử dụng lưu trữ Cloud. Bên cạnh đó, khách hàng luôn luôn được FPT đồng hành trong quá trình sử dụng về bảo hành, bảo trì, hỗ trợ trực tuyến 24/7.

Hệ thống FPT Camera sẽ được tích hợp thêm nhiều chức năng cải tiến thông minh, mang tính đột phá về công nghệ do chính đội ngũ FPT Telecom phát triển.



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ (FTI)

Vốn điều lệ: 15,000,000,000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Vốn điều lệ: 70,000,000,000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT (FCN)

Vốn điều lệ: 276,000,000,000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 99.99%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

CÔNG CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT (FOC)

Vốn điều lệ: 147,873,360,000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 56.32%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHU THỊ THANH HÀ

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty Viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Telecom (2003); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009); Phó Tổng Giám đốc FPT (2012).

TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sỹ Toán-Lý

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT.

Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Ông là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam và đóng góp nhiều ý kiến cho các lãnh đạo Việt Nam trong việc hoạch định chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam.



BÙI QUANG NGỌC

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ sở dữ liệu; Cử nhân Toán

Ông Bùi Quang Ngọc là một trong 13 thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các công ty thành viên quan trọng như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Là một nhà quản trị xuất sắc của FPT, ông Ngọc là người triển khai xây dựng và tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị FPT, đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn hiệu quả, chuẩn xác và theo quy chuẩn chất lượng quốc tế.



NGUYỄN VĂN KHOA

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT. Đến năm 2012, ông làm Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Tháng 3/2018, ông được luân chuyển làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT. Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT (FPT IS) trong chương trình quy hoạch và đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận của Tập đoàn.

Ngày 29/3/2019, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT.



NGUYỄN QUỐC TRỊ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Ông Nguyễn Quốc Trị được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018 với nhiệm kỳ 2018-2023. Công tác tại SCIC từ năm 2008, ông giữ nhiều chức vụ như chuyên viên Ban Đầu tư 2; kiểm soát viên chuyên trách; phó bí thư Chi bộ quản lý rủi ro - Pháp chế...

Ông có bằng Tiến sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Lưu thông tiền tệ - Tín dụng; Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán và Phân tích hoạt động kinh tế; chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ông Nguyễn Quốc Trị miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị FPT Telecom từ ngày 12/11/2019.



LÊ NGỌC DIỆP

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị công - ĐH Quốc gia Singapore; Cử nhân Ngân hàng tài chính.

Bà Lê Ngọc Diệp được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018 với nhiệm kỳ 2018-2023. Bà hiện đang giữ chức vụ Phó trưởng Ban - Ban Đầu tư 4 thuộc SCIC. Công tác tại SCIC từ năm 2008 đến nay, bà từng giữ nhiều chức vụ như chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư 1; Phó trưởng Ban - Ban Quản lý vốn đầu tư 1.

Bà có bằng thạc sĩ Quản trị công được cấp bởi Đại học Quốc gia Singapore và là cử nhân Ngân hàng tài chính của Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.



PHẠM CÔNG MINH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1989

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ông Phạm Công Minh được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 12/11/2019.

Ông hiện đảm nhiệm vị trí chuyên viên phân tích đầu tư - Ban Đầu tư 4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Công tác tại SCIC từ năm 2015 đến nay.

Ông có bằng thạc sĩ khoa học tại Đại học Quản trị Singapore chuyên ngành quản lý tài sản và thạc sĩ khoa học tại Đại học Exeter - Vương quốc Anh chuyên ngành thương mại quốc tế.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG VIỆT ANH

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông Hoàng Việt Anh gia nhập FPT năm 1993 khi là sinh viên ĐH Bách khoa Hà Nội với vị trí lập trình viên. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Công ty Phần mềm FPT (FPT Software) như Tổng giám đốc, Phó TGD điều hành, Giám đốc FPT châu Á - Thái Bình Dương và có kinh nghiệm toàn cầu khi tham gia chỉ đạo và triển khai các dự án quy mô lớn của FPT Software với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ... trong lĩnh vực nhiều lĩnh vực.

Ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ ngày 01/03/2018 với nhiệm kỳ 3 năm.



NGUYỄN HOÀNG LINH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam.

Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.





VŨ THỊ MAI HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993. Đến nay, bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí ở FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FPT Telecom International - FTI), Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

CHU HÙNG THẮNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử Viễn thông

Trong thời gian 2001-2007, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Sau đó, ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí thuộc FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



HOÀNG TRUNG KIÊN

Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2000 và trải qua nhiều vị trí như Phó Giám đốc Trung tâm dữ liệu Internet, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH IDS, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội 1, Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh, Giám đốc điều hành kinh doanh vùng Hà Nội và vùng Tây Bắc Bộ. Năm 2012, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.





VŨ ANH TÚ

Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 2001. Năm 2008, ông giữ chức vụ Giám Đốc Trung tâm Điều hành của FPT Telecom. Năm 2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công nghệ của FPT Telecom. Năm 2016, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc FPT Telecom.

NGUYỄN THANH BÌNH

Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2009 với vị trí Phó Ban Tài Chính. Năm 2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính.



BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG QUỐC LÂN

Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Tài Chính

Gia nhập FPT từ năm 2003, hiện tại, ông đảm nhiệm vị trí trưởng Bộ phận phân tích đầu tư, Ban Tài chính Công ty Cổ phần FPT.



PHAN PHƯƠNG ĐẠT

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ toán học

Ông gia nhập FPT từ năm 1999, trong gần 20 năm làm việc tại FPT, ông giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc nhân sự FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Software, Hiệu phó Đại học FPT... Hiện tại, ông là Trưởng ban Đào tạo FUNiX, đồng thời phụ trách Câu lạc bộ Tài năng trẻ FPT (FPT Young Talents - FYT)

ĐỖ XUÂN PHÚC

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông Đỗ Xuân Phúc được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018. Ông hiện giữ vị trí Chuyên viên Ban đầu tư 4 thuộc SCIC.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Kết thúc năm 2019, FPT Telecom đã đạt được những chỉ số kinh doanh ấn tượng: Doanh thu tăng 17.9% và lợi nhuận tăng 24.1% khẳng định sự thành công của năm đầu tiên thực hiện chiến lược hành động trong 3 năm 2019 - 2021:

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC SỐ 1 là mở rộng vùng phủ và triển khai mạng tốc độ cao. Cụ thể, vùng phủ mở rộng đến xã, huyện, đặc biệt tập trung vào khai thác các khu dân cư, khu dự án xây dựng. FPT Telecom có những thử nghiệm để khai thác triển khai mạng Giganet, được kết nối đến hộ gia đình với tốc độ lên tới Gigabit/s.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC SỐ 2 là tiếp tục nghiên cứu, đầu tư để đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC SỐ 3 là đẩy mạnh triển khai CEM (quản trị trải nghiệm khách hàng).

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC SỐ 4 là tăng cường đầu tư cho Truyền hình và OTT, tập trung vào nội dung, sản xuất cũng như sở hữu nội dung độc quyền.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC SỐ 5, để thực hiện thành công các việc nói trên, công việc chuyển đổi số của FPT Telecom là nền tảng của tất cả các nền tảng và cần được đẩy nhanh lên gấp nhiều lần trong thời gian sắp tới.

Năm 2020, định hướng chiến lược của FPT Telecom là *Amazing Experience - Trải nghiệm tuyệt vời*. Đây sẽ là năm FPT Telecom chú trọng tới trải nghiệm của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, FPT Telecom không còn là nhà cung cấp sản phẩm mà là một doanh nghiệp mang đến trải nghiệm tốt nhất trên thị trường.



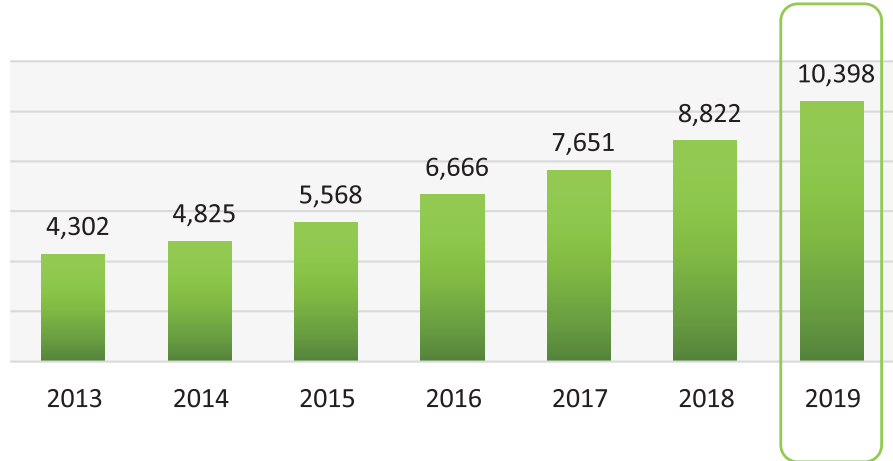
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2019 VÀ KẾ HOẠCH 2020

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT

DOANH THU THUẦN

10,398 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 17.9% YOY.

FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mức 2 con số. Đây là năm đầu tiên đánh dấu doanh thu của Công ty vượt ngưỡng 10,000 tỷ đồng.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1,808 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 24.1% YOY

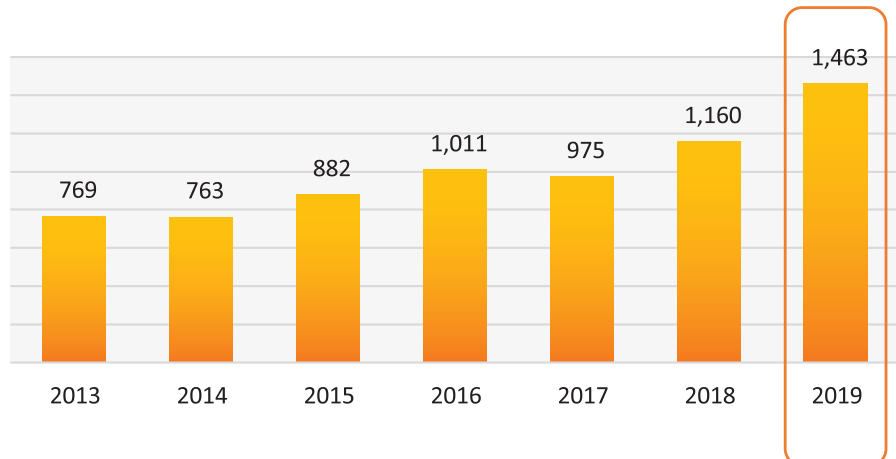
Năm 2019 chúng kiến một bước nhảy vọt về hiệu quả hoạt động khi lợi nhuận trước thuế tăng trưởng đến 24.1% so với năm 2018.



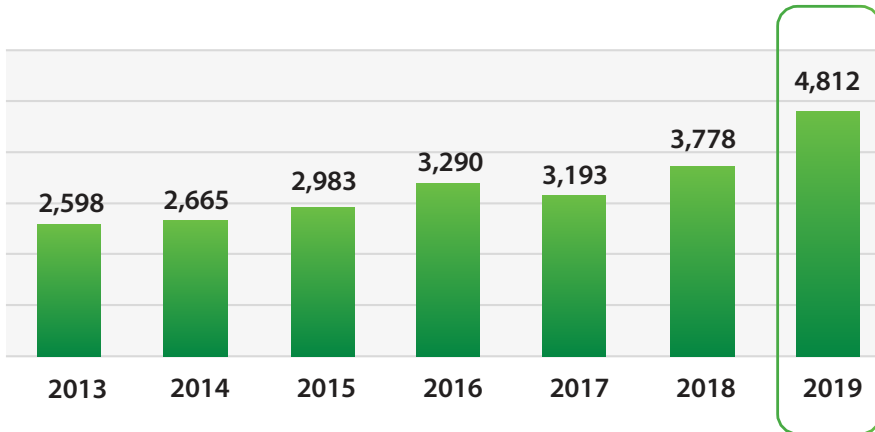
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

1,463 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 26.2% YOY.

Lợi nhuận sau thuế toàn công ty cũng có bước tiến lớn trong năm 2019 khi đạt mức tăng trưởng lên đến 26.2% so với năm 2018



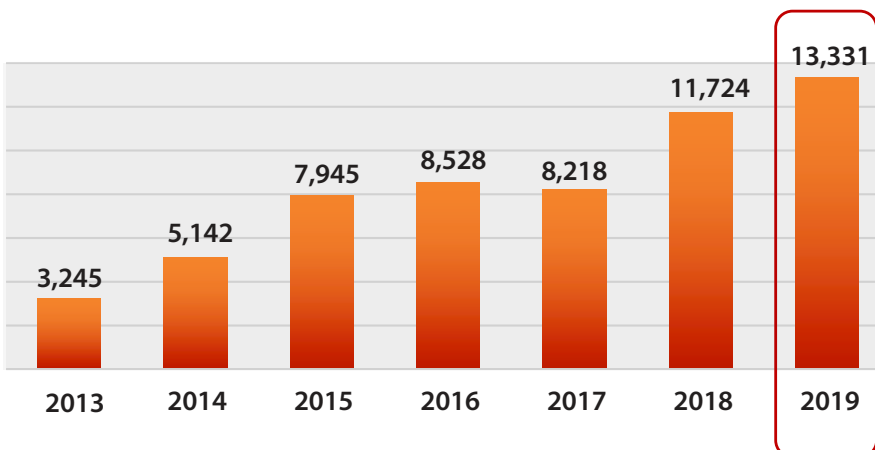
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS) 4,812 ĐỒNG/CP, TĂNG TRƯỞNG 15.8 % YOY



Nhờ lợi nhuận tăng cao, EPS của FPT Telecom có mức tăng trưởng đáng nể lên đến 15,8% so với năm 2018, đáp ứng sự kỳ vọng và tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư.

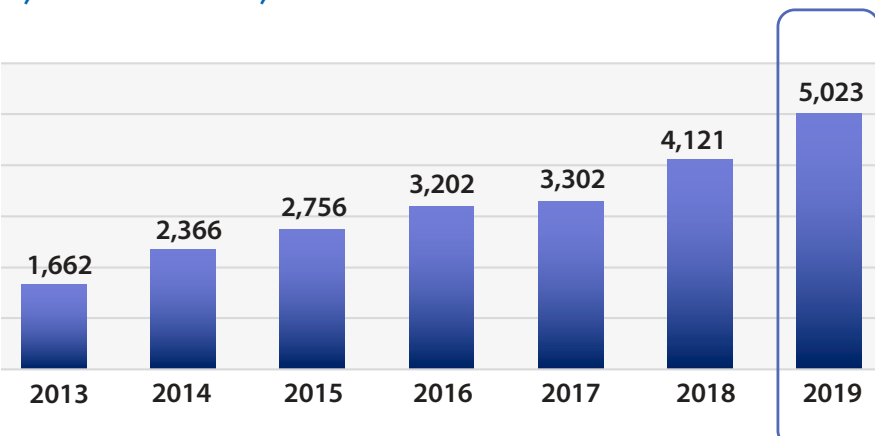
(*) EPS từ 2013 đến 2018 được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu các năm 2013, 2015, 2016, 2017 và 2018; và quy định mới về cách tính EPS theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

TỔNG TÀI SẢN 13,331 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 13.7 % YOY



Tổng tài sản của Công ty có bước nhảy vọt với mức tăng trưởng lên đến 13.7% so với năm 2018. Đây là kết quả của chiến lược "hạ tầng đi trước" với mong muốn tạo cơ sở vững mạnh để đảm bảo chất lượng và phát triển kinh doanh của Công ty.

VỐN CHỦ SỞ HỮU 5,023 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 21.9% YOY



Nguồn vốn tiếp tục được bảo toàn; là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng giảm
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	10,398,427	8,821,523	17.9%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	1,802,505	1,454,146	24.0%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1,808,153	1,457,531	24.1%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1,463,218	1,159,596	26.2%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/Cp	4,812	4,156	15.8%

Năm 2019, FPT Telecom tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng nhanh và ổn định. Doanh thu hợp nhất toàn Công ty đạt **10,398 tỷ đồng**, tăng trưởng 17,9% so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế đạt **1,808 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế đạt **1,463 tỷ đồng**. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt **4,812 đồng / cổ phần**, tăng gần 16% so với năm 2018. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2019 đạt **13,331 tỷ đồng**. Vốn chủ sở hữu đạt **5,023 tỷ đồng**, vốn điều lệ là **2,487 tỷ đồng**.

Các mảng kinh doanh vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định. Doanh thu mảng Internet và Truyền hình trả tiền tăng trưởng 18.4% và hoàn thành 111% kế hoạch. Số lượng thuê bao Internet và Truyền hình đều tăng mạnh và vượt kế hoạch đặt ra. Mảng nội dung số đối mặt với sự cạnh tranh mạnh từ Facebook và Google nhưng vẫn duy trì độ tăng trưởng doanh thu là 13.2% và hoàn thành 100% kế hoạch.

Công ty đã hoàn thiện và đưa ra thị trường một loạt sản phẩm, dịch vụ mới, đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh năm 2019 và là động lực tăng trưởng doanh số cho năm tiếp theo. Các sản phẩm dịch vụ tiêu biểu có thể kể ra như sau:



HBO Go: chính thức ra mắt từ tháng 7/2019, dịch vụ truyền hình trực tuyến HBO GO mang đến cho người dùng cơ hội “sở hữu” 3 kênh truyền hình trực tiếp HBO, MAX by HBO và RED by HBO với khả năng truy cập không giới hạn các bộ phim Hollywood thông qua thư viện video theo yêu cầu rộng lớn.

FOXY: ra mắt tháng 10/2019, là ứng dụng xem truyền hình trực tuyến trên di động dành cho khách hàng hiện đang sử dụng dịch vụ Truyền hình FPT. Với nhiều tiện ích thân thiện với người dùng, FOXY giúp cá nhân hóa trải nghiệm Khách hàng, giúp Khách hàng có thể trải nghiệm dịch vụ mọi lúc mọi nơi trên các nền tảng đa dạng.

FPT Play Rogo: là một nền tảng dựa trên bộ thiết bị FPT Play Box +, biến Box trở thành một thiết bị trung tâm điều khiển các thiết bị thông minh trong gia đình bằng giọng nói dựa vào kết nối Bluetooth 4.0+ và Wifi. TV Box sẽ được sử dụng như một điều khiển cho các thiết bị thông minh trong nhà.

FPT camera: là sản phẩm dịch vụ IP Camera được phát triển bởi FPT, cho phép giám sát, lưu trữ và quản lý thiết bị camera tập trung trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud)



A promotional banner for FPT Internet Nhanh and FPT Camera. The banner features the FPT Internet Nhanh logo on the left and the FPT Camera logo on the right. The central text reads "TƯ VẤN LẮP ĐẶT INTERNET TRUYỀN HÌNH - CAMERA FPT" followed by the phone number "0986 999 999" in large yellow digits. Below the phone number are two buttons: "DỊCH VỤ LẮP ĐẶT BẢO TRÌ 24/7" and "WEBSITE camera.fpt.vn". On the right side, there is an image of a white IP camera and a white server rack. The background is blue and orange.

TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	6,934,017	7,034,989	-1.4%
Tiền và các khoản tương đương tiền	"	552,340	544,516	1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	"	4,173,210	3,792,299	10.0%
Phải thu ngắn hạn	"	987,902	984,461	0.3%
Hàng tồn kho	"	656,730	840,231	-21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	"	563,835	873,482	-35.4%
Tài sản dài hạn	"	6,396,938	4,688,852	36.4%
Các khoản phải thu dài hạn	"	25,876	22,061	17.3%
Tài sản cố định	"	4,791,799	4,089,813	17.2%
Tài sản dở dang dài hạn	"	128,115	48,950	161.7%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	"	6,000	6,000	0.0%
Tài sản dài hạn khác	"	1,445,148	522,027	176.8%
Tổng tài sản	"	13,330,955	11,723,841	13.7%

TÀI SẢN NGẮN HẠN: Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục tăng trưởng là minh chứng cho tiềm lực tài chính dồi dào của Công ty. Bên cạnh đó, hàng tồn kho giảm 21.8% so với năm 2018 cho thấy Công ty ngày càng tối ưu hoạt động kinh doanh.

TÀI SẢN DÀI HẠN: Tài sản cố định tăng trưởng mạnh khi Công ty nâng cấp và mở rộng hạ tầng trong năm vừa qua, đây là tiền đề đảm bảo cho các dịch vụ của Công ty trong các năm tới.

NGUỒN VỐN VÀ CÔNG NỢ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng nợ	Triệu đồng	8,308,254	7,602,614	9.3%
Nợ ngắn hạn	"	7,967,680	7,388,207	7.8%
Nợ dài hạn	"	340,574	214,406	58.8%
Vốn Chủ sở hữu	"	5,022,700	4,121,227	21.9%
Vốn chủ sở hữu	"	5,022,700	4,121,227	21.9%
Tổng nguồn vốn	"	13,330,955	11,723,841	13.7%

NỢ PHẢI TRẢ: Nợ dài hạn tăng 58.8 % do Công ty tăng cường vay vốn để phục vụ đầu tư hạ tầng, tài sản. Tỷ trọng nợ dài hạn chiếm 2.5% tổng nguồn vốn, không ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu nguồn vốn.

VỐN CHỦ SỞ HỮU: Tăng mạnh 21.9% so với năm 2018, cho thấy nguồn lực luôn được bảo toàn và tăng trưởng đều qua các năm, đảm bảo giá trị thặng dư cho cổ đông.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0.87	0.95
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.79	0.84
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62%	65%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.65	1.84
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	10.48	10.18
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.78	0.75
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNTT/Doanh thu thuần	%	17.39%	16.52%
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	14.1%	13.1%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	32%	31.2%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11.8%	11.63%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	17.3%	16.5%

Các chỉ tiêu về **Khả năng thanh toán** cải thiện hơn so với năm trước. Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán cho các khoản nợ trong tương lai.

Các chỉ tiêu về Cơ cấu vốn có sự thay đổi theo hướng tích cực khi tỷ trọng Nợ trên Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2018. Điều này cho thấy cơ cấu vốn của Công ty đang dần cải thiện sau giai đoạn 2017- 2018 phải tăng cường vốn vay để đầu tư.

Các chỉ tiêu về **Năng Lực hoạt động** cải thiện so với năm 2018. Số Vòng quay khoản phải thu tiếp tục tăng khi Công ty nỗ lực đẩy mạnh trọng tâm vào thanh toán online.

Các chỉ tiêu về **Khả năng sinh lời** tiếp tục duy trì ở mức rất cao và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Hệ số lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế so với doanh thu thuần tiếp tục tăng so với năm 2018.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

BỨC TRANH KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC NĂM 2019 KHÉP LẠI VỚI XU HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG KHÁ TÍCH CỰC

Năm 2019 vẫn là năm thành công của kinh tế Việt Nam thể hiện qua việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Qua đó, tạo được niềm tin cho doanh nghiệp và người dân về sự ổn định, xu hướng gia tăng phát triển của nền kinh tế.

Năm 2019 kết thúc với nhiều thành tựu không tưởng và đột phá trên mọi lĩnh vực hoạt động của FPT Telecom. Đây là năm đầu tiên áp dụng công cụ OKRs trong công việc, Ban Lãnh đạo FPT Telecom và cán bộ nhân viên đều tận lực phấn đấu cho những điều lớn lao hơn. Nhờ đó, kết quả kinh doanh năm 2019 của FPT Telecom đã đạt được những chỉ số kinh doanh ấn tượng. Doanh thu toàn Công ty đạt 10,398 tỷ đồng, tăng trưởng 17.9% so với năm 2018; Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 1,808 tỷ đồng, tăng trưởng 24.1% so với năm 2018 và đều hoàn thành mục tiêu đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,463 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 4,812 đồng/cổ phần,



“NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET CỐ ĐỊNH ĐƯỢC KHÁCH HÀNG HÀI LÒNG NHẤT VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG NĂM 2019”

(Theo khảo sát của Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hội Truyền thông Số Việt Nam)



tăng 27.4% so năm 2018. Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2019 đạt 13.331 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu đạt 5.023 tỷ đồng; đều tăng trưởng mạnh mẽ 21.9% so với năm 2018.

Trong năm 2019, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 của năm 2018 là 1,000 đồng/cổ phần và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt lần 1 của năm 2019 là 1,000 đồng/cổ phần. Công ty cũng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 2,262 tỷ đồng lên 2,487 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Với những thành công đạt được năm 2019, Ban lãnh đạo FPT Telecom đã chọn chiến lược “Amazing Experience” cho chặng đường 3 năm tiếp theo. Công ty sẽ tập trung vào trải nghiệm khách hàng với mục tiêu là Nhà cung cấp dịch vụ có trải nghiệm khách hàng tốt nhất Việt Nam. Với chiến lược mang lại trải nghiệm tuyệt vời cho khách hàng dựa trên nền tảng chuyển đổi số, FPT Telecom sẽ tập trung phát triển thuê bao bền vững, cải thiện sự hài lòng của khách hàng, nâng cao chất lượng hạ tầng, gia tăng chất lượng nguồn lực lao động để duy trì sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cao và ổn định.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã luôn luôn theo sát tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đóng vai trò là hậu phương vững chắc ủng hộ các quyết định, chiến lược mạnh mẽ, sáng tạo nhưng vô cùng hiệu quả của Ban điều hành. Kèm theo đó, với sự nỗ lực không mệt mỏi của toàn thể cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành, FPT Telecom tiếp tục gặt hái được thành công, vững bước trên chặng đường phát triển, đóng góp công sức cho sự phát triển của đất nước nói chung cũng như mang lại giá trị cho cổ đông, khách hàng nói riêng.



KẾ HOẠCH NĂM 2020

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Năm 2020 dự báo là một năm khó khăn cho kinh tế thế giới khi ngay trong những tháng đầu năm nền kinh tế số hai thế giới – Trung Quốc đã bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch COVID-19. Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, mối quan hệ thương mại giữa Anh và EU được dự báo sẽ làm kìm hãm kinh tế thế giới trong năm 2020. Bước sang 2020, với việc trở thành chủ tịch ASEAN và ký kết hiệp ước EVFTA góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam vượt qua một năm khó khăn.

Trong báo cáo gần nhất của VinaCapital về ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến kinh tế Việt Nam, các chuyên gia cho rằng trong ngắn hạn lợi ích kinh tế sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, tuy nhiên trong dài hạn khi dịch không leo thang thì Việt Nam có thể là quốc gia hưởng lợi khi có cơ hội nhận được dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Quan sát tình hình diễn biến dịch COVID-19 trong nước và quốc tế, Bộ Kế hoạch đầu tư đưa ra hai kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2020 tương ứng với giả thiết dịch được khống chế trong Quý 1 và Quý 2 năm 2020. Cụ thể, mức tăng trưởng GDP đều thấp hơn mục tiêu 6,8% đã đề ra, lần lượt 6,25% hoặc 5,96%.

KẾ HOẠCH NĂM 2020

Năm 2020, Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 11,814 tỷ đồng, tăng trưởng 13.6% so với năm 2019 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 11,150 tỷ đồng, tăng trưởng 13.9% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 664 tỷ đồng, tăng trưởng 9%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của công ty là 2,022 tỷ đồng, tăng trưởng 11.8% so với năm 2019. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng vùng phủ, tập trung phát triển thuê bao Internet và Truyền hình, cải thiện sự hài lòng của khách hàng.

Trong năm 2020, Công ty sẽ hoàn thiện và đưa vào sử dụng 2 trung tâm dữ liệu mới tại Tân Thuận 1 – Tp HCM và tại Cầu Giấy – Hà Nội. Công ty sẽ đẩy nhanh các dự án xây dựng trung tâm dữ liệu tại Quận 9 – Tp HCM và tại Đà Nẵng với mục tiêu là doanh nghiệp số 1 tại Việt Nam về lĩnh vực trung tâm dữ liệu. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư vào dự án cáp quang biển thứ 4 để đảm bảo an toàn hạ tầng mạng viễn thông, giảm thiểu rủi ro băng thông quốc tế khi sự cố đứt cáp xảy ra, đảm bảo chất lượng hạ tầng, trong 3 năm tới với dung lượng từ 1-3 Tbps.

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát triển để đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng (dịch vụ Cloud Camera, Home Security, ...), triển khai dịch vụ Multi Cloud cho khách hàng khối doanh nghiệp, tiếp tục đầu tư và phát triển nội dung riêng trong truyền hình FPT cũng như FPT Play, nhân rộng hệ sinh thái OTT mạnh có sẵn để cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Về mặt nhân sự, Công ty sẽ có thay đổi về mặt chất lượng nguồn nhân lực. Đến hết năm 2022, FPT Telecom sẽ có hơn 10,000 nhân viên, trong đó tỷ trọng cán bộ kỹ thuật công nghệ chiếm 20 % và 15% trong số các cán bộ kỹ thuật công nghệ sẽ có chứng chỉ, bằng cấp quốc tế.











QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự
01	Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch	3/25/2008	4	100%	
02	Ông Trương Gia Bình	Thành viên	7/28/2005	4	100%	
03	Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên	3/27/2009	4	100%	
04	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	3/30/2012	4	100%	
05	Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên	3/28/2018	3	100%	(Miễn nhiệm 12/11/2019)
06	Ông Phạm Công Minh	Thành viên	12/11/2019	1	100%	(Bổ nhiệm 12/11/2019)
07	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên	28-03-2018	4	100%	

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau đây:

-  Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
-  Thông qua Đề án Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
-  Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án “Trung tâm dữ liệu FPT Tân Thuận 1B”
-  Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Trung tâm Dữ liệu HN2 tại D28, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội và phê duyệt việc điều chỉnh phương án đầu tư trung tâm Dữ liệu HN2.
-  Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và Quy chế quản trị nội bộ
-  Phê duyệt phương án mua đài trạm làm Metro POP tại các tỉnh
-  Phê duyệt phương án trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2018 là 1,000 đồng/cp
-  Phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 1,000 đồng/cp
-  Phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 là 1,000 đồng/cp
-  Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2019 để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết		Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT/FTEL	3/1/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Đề án Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Ủy quyền cho Ban điều hành thực hiện thủ tục xin giấy phép.
2	02/QĐ-HĐQT/FTEL	10/1/2019	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt việc điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án “Trung tâm dữ liệu FPT Tân Thuận 1B”.
3	03-2019/NQ-HĐQT/FTEL	22/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả kinh doanh quý 3/2018. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Trung tâm Dữ liệu HN2 tại Lô D28, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
4	04-2019/NQ-HĐQT/FTEL	7/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2018. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 và chủ trương đầu tư năm 2019. Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2019.
5	05-2019/NQ-HĐQT/FTEL	9/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả kinh doanh quý 1/2019. Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (báo cáo tài chính; trả cổ tức bằng tiền mặt, cổ phiếu; trích lập các quỹ; thù lao HĐQT/BKS; kế hoạch kinh doanh 2019; kiểm toán năm 2019). Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. Thông qua dự thảo sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ.
6	06/NQ-HĐQT/FTEL - 17/NQ-HĐQT/FTEL	22/04/2019 - 16/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt phương án mua đài trạm làm Metro Pop tại các tỉnh (Hòa Bình, Hà Nam, Bắc Ninh, Yên Bái, Quảng Ninh, Long An, Vũng Tàu, Bình Dương, Đà Nẵng, Tp HCM, Hải Dương ...)
7	08/NQ-HĐQT/FTEL	6/5/2019	<ul style="list-style-type: none"> Trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2018 là 1.000 đồng/cp.
8	09/NQ-HĐQT/FTEL	6/5/2019	<ul style="list-style-type: none"> Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018 là 1.000 đồng/cp
9	18/NQ-HĐQT/FTEL	6/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt việc điều chỉnh phương án đầu tư Trung tâm Dữ liệu HN2 tại Cầu Giấy, HN. Thông qua hoạt động giao dịch với người có liên quan (Công ty Cổ phần FPT).
10	19/NQ-HĐQT/FTEL	22/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả kinh doanh quý 2/2019
11	21/NQ-HĐQT/FTEL	8/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2019
12	23/NQ-HĐQT/FTEL	26/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế quả kinh doanh quý 3.2019. Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 với mức 1.000 đồng/cổ phiếu.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ và việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- ✓ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ Công ty.
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng và phân phối lợi nhuận năm 2019.
- ✓ Kiểm soát việc thực hiện công bố thông tin tại trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định về công bố thông tin của Công ty niêm yết.
- ✓ Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 2019.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✓ Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng tiến hành các cuộc họp giữa các thành viên để trao đổi các nội dung cần tiến hành kiểm soát, các vấn đề cần kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.



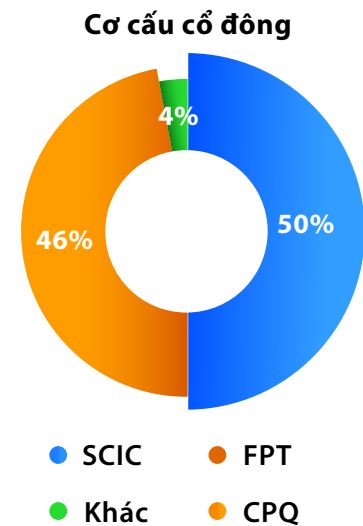
QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

- ✓ Vốn điều lệ: 2,487,724,840,000 đồng
- ✓ Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 248,772,484 cổ phiếu
- ✓ Mệnh giá: 10,000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Cổ phiếu thường: 248,742,469 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 248,742,469 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 30,015 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

STT	Đơn vị	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	124,804,562	50.17%
2	Công ty Cổ phần FPT	113,566,257	45.65%
3	Các cổ đông khác	10,371,650	4.17%
4	Cổ phiếu quỹ	30,015	0.01%
Tổng cộng		248,772,484	100.0%

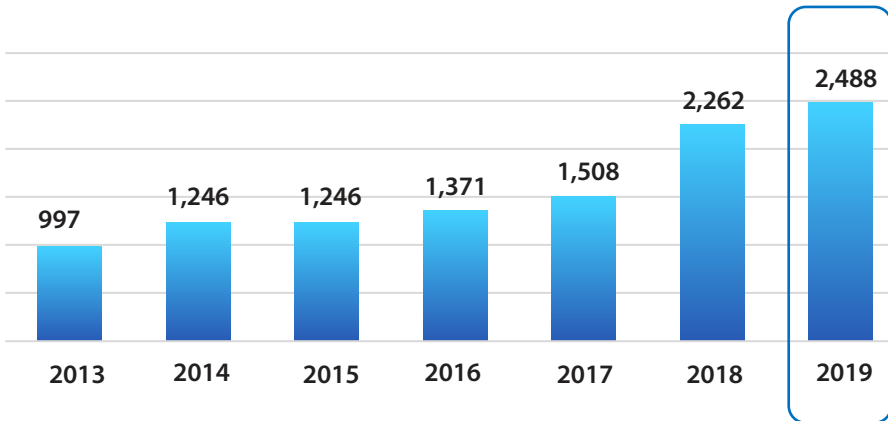


BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH



Lưu ý: Ngày 23/4/2019, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu là 1.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 10% (cổ đông sở hữu 10 cổ phần hiện hữu được chia thêm 01 cổ phần mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2019).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



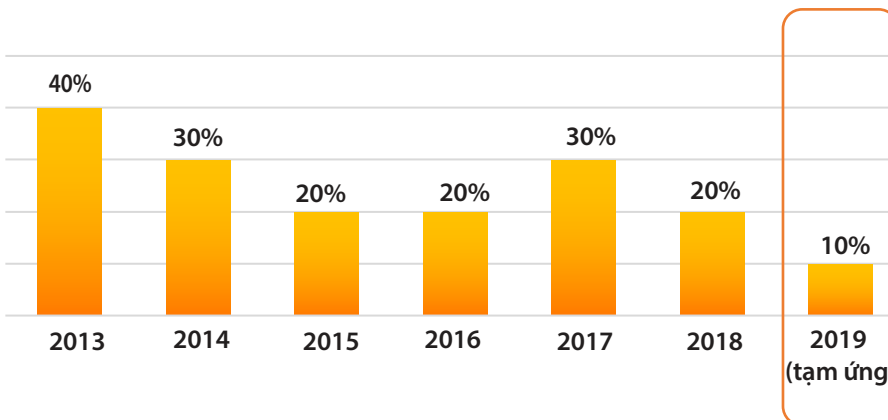
Vốn chủ sở hữu tăng vọt do Công ty tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2019 với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận để lại năm 2018.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2019, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC

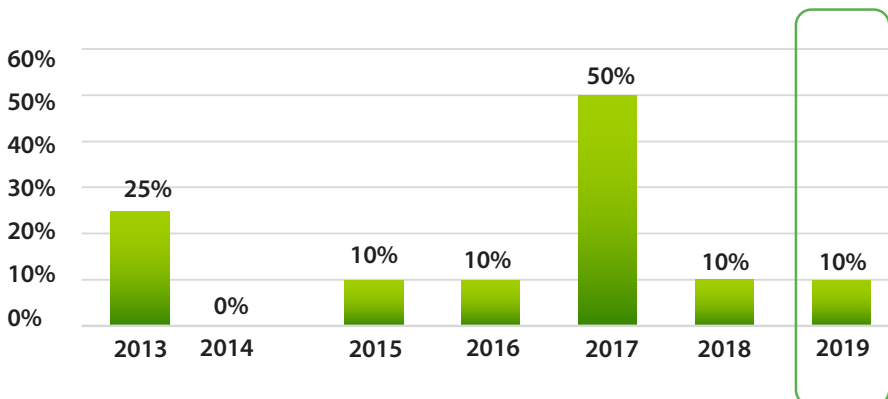
CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT:



Tỷ lệ cổ tức tạm ứng bằng tiền mặt năm 2019 là 1,000 đồng/cổ phiếu.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 sẽ được thông qua trong cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông.

CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU:



Công ty quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận

Lưu ý: * Tỷ lệ cổ tức được tính theo tỷ lệ chia cổ tức được ĐHĐCĐ phê duyệt cho kết quả kinh doanh năm đó, không phải số cổ tức thực chi trả trong năm.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 20 năm qua, FPT Telecom đã đưa ra thị trường những dịch vụ kết nối cho người dùng sử dụng Internet. Sản phẩm gần nhất chính là dịch vụ Truyền hình FPT, FPT Play và sắp tới là camera thông minh cùng rất nhiều sản phẩm khác nữa sẽ được đưa đến cho khách hàng. FPT Telecom xác định lấy khách hàng làm trọng tâm, chú trọng vào xây dựng và phát triển dịch vụ ngày càng thông minh để khách hàng hài lòng hơn, giúp công ty có cơ sở dữ liệu khách hàng vững chắc.

Năm 2019 tiếp tục là một năm bội thu các giải thưởng của FPT Telecom, điều đó khẳng định hướng phát triển kinh doanh bền vững bằng chất lượng sản phẩm và đi đầu về chất lượng dịch vụ

- FPT Telecom được vinh danh là “Nhà cung cấp dịch vụ Internet Cố định được khách hàng hài lòng nhất về Chất lượng Dịch vụ và Chăm sóc Khách hàng năm 2019” tại lễ trao giải “Nhà cung cấp dịch vụ băng thông rộng di động và Internet cố định năm 2019”. Đây là sự kiện công nghệ có uy tín được tổ chức thường niên bởi Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG Vietnam) phối hợp cùng Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA)..

FPT Telecom nhận cú đúp Sao Khuê 2019 cho 2 sản phẩm công nghệ ấn tượng:

- Ban Nhân sự với Website SIS – Smart Interview System
- Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT với Dịch vụ điện toán đám mây FPT HI GIO CLOUD.
- FPT Telecom đã vinh dự được trao giải thưởng “Nhà cung cấp Dịch vụ Trung tâm dữ liệu Việt Nam của năm 2019” của Frost & Sullivan. Giải thưởng Nhà cung cấp Dịch vụ Trung tâm dữ liệu Việt Nam năm 2019 được Frost & Sullivan đánh giá dựa trên 6 tiêu chí: Hiệu quả tài chính; Thực hành tốt nhất; Khả năng đáp ứng; Minh bạch thương hiệu; Tầm ảnh hưởng; Giá và Đánh giá hiệu suất.



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ, PHONG TRÀO RỘNG KHẮP

Việc áp dụng website tuyển dụng FPTJobs.com và hệ thống tuyển dụng trực tuyến Smart Interview Systems đã giúp tiết kiệm chi phí tuyển dụng. Năm 2019 có nhiều thay đổi, cải tiến trong chính sách, công cụ làm việc, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ. Trong năm vừa qua, 100% giảng viên của Trung tâm Đào tạo tham gia giảng dạy, triển khai 24 khóa đào tạo cho đơn vị, đạt đánh giá 4/5 về chất lượng đào tạo. Tỷ lệ học viên tham gia khóa học đạt 90% và thời gian đào tạo của cán bộ cấp quản lý đạt mức tối thiểu 24h/năm.

Các trong phong trào thi đua nội bộ FPT Telecom chưa bao giờ mạnh mẽ và sôi nổi đến vậy. Các cuộc thi online, các hoạt động phong trào liên tục được phát động, trở thành sân chơi cho CBNV từ mọi phòng ban, đơn vị có cơ hội thi tài, thể hiện bản thân và góp phần củng cố văn hóa tinh thần FPT. Tiêu biểu là cuộc thi “Xe Cải Tiến Leng Keng”. Được khởi động từ tháng 03/2019 với tinh thần “Sáng tạo đột phá – Kết quả kỳ diệu” và hệ giải thưởng khủng, số lượng ticket gửi về đã tăng gấp đôi so với năm 2018.

Bên cạnh đó, các cuộc thi online như “Nét đẹp GDV”, “FoxSteps - cùng về đích”, Khoảnh khắc OKRs, STCo OKRs, FTEL’s Got Talent,... cũng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ đa dạng CBNV thuộc các phòng ban, đơn vị. Tinh thần LengKeng nhờ thế phổ quát đến toàn dân, LengKeng từ những điều đơn giản nhất.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG ĐƯỢC ĐẨY MẠNH

FPT Telecom hướng ứng Ngày vì Cộng đồng bằng chuỗi hoạt động “Hành trình Vì Xuyên”, hoạt động thu gom pin cũ bảo vệ môi trường, thiện nguyện trao tặng góc học tập,... Tinh thần vì cộng đồng được lan tỏa mạnh mẽ, tất cả đồng lòng tạo nên những giá trị tích cực cho xã hội..

Dự án FoxSteps chào mừng sinh nhật thứ 31 của Tập đoàn FPT, gần 10.000 người nhà Cáo đã xuống đường, liên tục trong 23 ngày đêm, hoàn thành quãng đường tương đương 13 vòng Trái Đất, xây dựng quỹ FoxSteps trị giá 7 tỷ đồng để xây dựng 63 sân chơi miễn phí, chất lượng cao trên 59 tỉnh thành toàn quốc. Dự án đã tạo nên hiệu ứng mạnh mẽ không chỉ trong cộng đồng người FPT mà tại mỗi địa phương đều nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ chính quyền và người dân. Không chỉ mang giá trị cộng đồng to lớn và lâu dài, dự án còn là một bước tiến quan trọng trong xây dựng hình ảnh thương hiệu của FPT Telecom trên toàn quốc.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông Phạm Công Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019)
Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 388/QĐ-FTEL ngày 01 tháng 04 năm 2019

Ngày 15 tháng 02 năm 2020



Số: 0524 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.934.016.769.710	7.034.988.878.057
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	552.339.512.408	544.515.759.978
1. Tiền	111		139.889.470.204	237.736.198.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		412.450.042.204	306.779.561.740
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.173.210.173.033	3.792.298.899.815
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	4.173.210.173.033	3.792.298.899.815
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		987.901.715.337	984.461.439.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.104.878.330.971	1.030.757.280.393
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.922.433.156	34.198.599.975
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	85.195.938.979	83.144.533.006
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(256.094.987.769)	(163.638.973.522)
IV. Hàng tồn kho	140	8	656.730.226.675	840.230.882.411
1. Hàng tồn kho	141		687.009.461.752	871.432.497.505
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.279.235.077)	(31.201.615.094)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		563.835.142.257	873.481.896.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	522.718.672.233	825.862.917.567
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.603.264.829	38.089.795.253
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	9.513.205.195	9.529.183.181
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.396.937.784.842	4.688.851.687.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.876.472.143	22.061.326.376
1. Phải thu dài hạn khác	216		28.233.163.324	24.418.017.557
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.356.691.181)	(2.356.691.181)
II. Tài sản cố định	220		4.791.798.509.796	4.089.813.421.798
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.167.162.580.730	3.507.729.511.417
- Nguyên giá	222		8.115.948.225.407	6.862.152.696.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.948.785.644.677)	(3.354.423.184.934)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	624.635.929.066	582.083.910.381
- Nguyên giá	228		894.175.259.589	789.199.601.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.539.330.523)	(207.115.690.845)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		128.114.918.230	48.949.699.336
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	128.114.918.230	48.949.699.336
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.684.980.000	9.684.980.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.445.147.884.673	522.027.239.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.441.568.408.708	518.447.763.886
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.579.475.965	3.579.475.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		13.330.954.554.552	11.723.840.565.418

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.308.254.385.786	7.602.613.517.763
I. Nợ ngắn hạn	310		7.967.680.395.681	7.388.207.247.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.362.881.576.705	1.525.737.678.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		94.115.681.630	57.432.572.931
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	128.112.058.142	75.653.901.554
4. Phải trả người lao động	314		9.168.787.596	116.029.934.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	574.233.936.341	573.885.849.266
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	1.302.535.256.599	1.187.405.808.059
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	155.674.255.359	237.920.687.437
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.076.639.400.670	3.362.087.529.178
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		749.715.000	756.720.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	263.569.727.639	251.296.565.774
II. Nợ dài hạn	330		340.573.990.105	214.406.270.406
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14	42.510.672.090	46.690.825.888
2. Phải trả dài hạn khác	337		286.600.000	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	297.776.718.015	167.715.444.518
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.022.700.168.766	4.121.227.047.655
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	5.022.700.168.766	4.121.227.047.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.487.724.840.000	2.261.597.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.487.724.840.000	2.261.597.240.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.391.591.930	20.391.591.930
3. Cổ phiếu quỹ	415		(300.150.000)	(300.150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		599.601.897.399	389.798.534.033
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		34.572.210.000	34.572.210.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.566.505.241.188	1.038.992.588.448
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		579.246.036.297	468.186.994.949
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		987.259.204.891	570.805.593.499
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		314.204.538.249	376.175.033.244
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		13.330.954.554.552	11.723.840.565.418

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	10.471.610.837.957	8.854.832.868.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	73.184.080.848	33.309.726.707
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.398.426.757.109	8.821.523.141.933
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	5.342.392.704.451	4.603.932.001.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.056.034.052.658	4.217.591.140.770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	266.886.134.091	211.037.774.319
7. Chi phí tài chính	22	27	215.486.846.509	145.704.744.354
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		210.056.968.511	133.046.974.598
8. Chi phí bán hàng	25		1.138.256.795.689	959.987.030.807
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.166.671.769.608	1.868.791.044.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.802.504.774.943	1.454.146.095.556
11. Thu nhập khác	31		10.871.328.607	8.522.722.094
12. Chi phí khác	32		5.222.941.220	5.137.338.782
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.648.387.387	3.385.383.312
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.808.153.162.330	1.457.531.478.868
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	344.935.615.565	276.202.846.027
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	21.732.498.727
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.463.217.546.765	1.159.596.134.114
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		1.351.359.851.256	1.049.347.341.503
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		111.857.695.509	110.248.792.611
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.812	3.778


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng


Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.808.153.162.330	1.457.531.478.868
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	986.034.453.378	908.170.333.624
Các khoản dự phòng	03	91.533.634.230	78.768.534.028
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.125.759.938	(5.157.815.318)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(256.881.690.006)	(201.504.097.158)
Chi phí lãi vay	06	210.056.968.511	133.046.974.598
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.840.022.288.381	2.370.855.408.642
(Tăng) các khoản phải thu	09	(89.652.875.132)	(173.215.976.904)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	387.533.845.053	(96.176.353.918)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(218.209.300.690)	332.727.456.981
(Tăng) chi phí trả trước	12	(619.976.399.488)	(275.773.859.692)
Tiền lãi vay đã trả	14	(198.511.446.085)	(88.498.158.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(329.545.899.768)	(172.067.279.637)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	274.700.000	603.864.913
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(153.477.136.212)	(43.438.687.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.618.457.776.059	1.855.016.414.302
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.970.946.480.296)	(1.598.911.110.331)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.181.818	195.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.623.812.425.198)	(4.759.937.498.288)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.242.901.151.980	2.440.468.796.254
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	269.013.466.249	162.683.061.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.082.806.105.447)	(3.755.501.295.840)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	30.284.641.600
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(269.625.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	5.470.952.854.357	4.285.016.260.941
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.626.339.709.368)	(1.963.338.847.865)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(373.522.000.400)	(544.328.449.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	470.821.519.589	1.807.633.605.526
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.473.190.201	(92.851.276.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	544.515.759.978	637.367.035.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.350.562.229	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	552.339.512.408	544.515.759.978

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 29 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 24 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 07 năm 2005. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán UpCom ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã chứng khoán là FOX.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tiếp và các dịch vụ trực tuyến khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 59 đơn vị phụ thuộc, là các chi nhánh Công ty viễn thông các tỉnh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56.32%	Cung cấp dịch vụ game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (CTTT)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	99.99%	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị

hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán hàng tồn kho Công ty sử dụng là kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm

chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Thiết bị quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện phân bổ chi phí khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép bản quyền và quyền khai thác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác, sử dụng, cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép bản quyền	3 - 5
Quyền sử dụng dung lượng vĩnh viễn cáp quang Á - Phi - Âu AAE1 (Asia - Africa - Europe 1)	15
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (AAG) và dự án Asia Pacific Gateway (APG)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí triển khai quang hóa, lắp đặt truyền hình trả tiền, chi phí triển khai hợp đồng cho các thuê bao internet, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước và tiền thuê văn phòng tại khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm được trích lập với số tiền không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	88.003.735	79.433.070
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	139.801.466.469	237.656.765.168
Các khoản tương đương tiền (*)	412.450.042.204	306.779.561.740
	552.339.512.408	544.515.759.978

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần FPT và các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.173.210.173.033	4.173.210.173.033	3.792.298.899.815	3.792.298.899.815
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.171.210.173.033	4.171.210.173.033	3.790.298.899.815	3.790.298.899.815
- Các khoản đầu tư khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.684.980.000	(3.684.980.000)	9.684.980.000	(3.684.980.000)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	3.684.980.000	(3.684.980.000)	3.684.980.000	(3.684.980.000)
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa được niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lãi dự thu	63.705.575.419	71.342.884.250
Các khoản khác	21.490.363.560	11.801.648.756
	<u>85.195.938.979</u>	<u>83.144.533.006</u>

7. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	283.956.712.613	27.861.724.844	196.550.804.755	32.911.831.233
	<u>283.956.712.613</u>	<u>27.861.724.844</u>	<u>196.550.804.755</u>	<u>32.911.831.233</u>

Các khoản phải thu quá hạn thể hiện các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên và không có khoản nợ phải thu nào chiếm từ 10% tổng số nợ quá hạn trở lên. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ phải thu trừ đi giá trị dự phòng.

11250
NG
HIỆM H
LOIT
T NA
4 - TP

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	81.593.191.380	-	88.101.283.872	-
Nguyên liệu, vật liệu	201.087.084.424	(30.279.235.077)	273.485.260.958	(31.201.615.094)
Công cụ, dụng cụ	42.110.435.852	-	122.829.417.304	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	428.200.000	-	808.620.000	-
Hàng hoá	361.790.550.096	-	386.207.915.371	-
	687.009.461.752	(30.279.235.077)	871.432.497.505	(31.201.615.094)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 30.279.235.077 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 31.201.615.094 VND) đối với các vật tư, thiết bị hạ tầng đã thu hồi chờ thanh lý.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí triển khai thuê bao internet	403.755.987.720	374.694.213.445
Chi phí triển khai quang hóa	-	326.152.977.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	118.962.684.513	125.015.727.030
	522.718.672.233	825.862.917.567
b. Dài hạn		
Chi phí triển khai quang hóa và lắp đặt truyền hình trả tiền	947.987.826.010	376.246.651.395
Chi phí thuê văn phòng	278.281.033.429	48.162.784.780
Chi phí trả trước dài hạn khác	215.299.549.269	94.038.327.711
	1.441.568.408.708	518.447.763.886

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu/được khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.444.092.790	-	-	9.444.092.790
Các loại thuế khác	85.090.391	252.208.085	268.186.071	69.112.405
	9.529.183.181	252.208.085	268.186.071	9.513.205.195
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	17.913.240.204	558.426.360.855	551.018.933.544	25.320.667.515
- Thuế GTGT đầu ra	17.913.240.204	386.896.352.163	379.488.924.852	25.320.667.515
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	171.530.008.692	171.530.008.692	-
Thuế nhập khẩu	-	12.771.466.662	12.771.466.662	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.813.646.183	367.392.740.728	329.545.899.768	91.660.487.143
Các loại thuế khác	3.927.015.167	138.524.207.216	131.320.318.899	11.130.903.484
- Thuế môn bài	-	264.000.000	264.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.510.946.333	116.329.513.246	110.521.922.382	9.318.537.197
- Thuế khác	416.068.834	21.930.693.970	20.534.396.517	1.812.366.287
Các khoản phải nộp khác	-	1.606.000	1.606.000	-
	75.653.901.554	1.077.116.381.461	1.024.658.224.873	128.112.058.142

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	154.505.540.733	6.329.546.967.818	357.504.785.534	20.595.402.266	6.862.152.696.351
Tăng trong năm	15.934.668.342	1.764.464.352.774	5.051.739.635	444.255.455	1.785.895.016.206
Tăng do mua sắm	15.934.668.342	1.736.801.966.550	5.051.739.635	444.255.455	1.758.232.629.982
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	27.662.386.224	-	-	27.662.386.224
Giảm trong năm	323.454.812	(454.260.777.183)	(78.170.830.169)	8.665.390	(532.099.487.150)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(109.673.810)	(109.673.810)
Thu hồi nhập kho	-	(520.053.726.588)	(11.936.086.752)	-	(531.989.813.340)
Phân loại lại	323.454.812	65.792.949.405	(66.234.743.417)	118.339.200	-
Số dư cuối năm	170.763.663.887	7.639.750.543.409	284.385.695.000	21.048.323.111	8.115.948.225.407
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	45.969.360.402	2.999.930.732.676	294.740.861.926	13.782.229.930	3.354.423.184.934
Tăng trong năm	6.655.355.613	909.217.044.374	5.501.660.678	1.977.076.928	923.351.137.593
Khấu hao trong năm	6.655.355.613	909.217.044.374	5.501.660.678	1.977.076.928	923.351.137.593
Giảm trong năm	32.490.938	(301.445.257.234)	(27.515.071.323)	(60.840.231)	(328.988.677.850)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(109.673.810)	(109.673.810)
Thu hồi nhập kho	-	(318.301.898.145)	(10.577.105.895)	-	(328.879.004.040)
Phân loại lại	32.490.938	16.856.640.911	(16.937.965.428)	48.833.579	-
Số dư cuối năm	52.657.206.953	3.607.702.519.816	272.727.451.281	15.698.466.627	3.948.785.644.677
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	108.536.180.331	3.329.616.235.142	62.763.923.608	6.813.172.336	3.507.729.511.417
Tại ngày cuối năm	118.106.456.934	4.032.048.023.593	11.658.243.719	5.349.856.484	4.167.162.580.730

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.527.610 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 1.099.802 triệu VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép và quyền khai thác	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	45.523.375.025	672.797.820.671	70.878.405.530	789.199.601.226
Tăng trong năm	40.452.096.664	56.149.674.215	8.633.563.591	105.235.334.470
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(259.676.107)	(259.676.107)
Số dư cuối năm	85.975.471.689	728.947.494.886	79.252.293.014	894.175.259.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	170.115.916.891	36.999.773.954	207.115.690.845
Khấu hao trong năm	-	49.755.475.199	12.927.840.586	62.683.315.785
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(259.676.107)	(259.676.107)
Số dư cuối năm	-	219.871.392.090	49.667.938.433	269.539.330.523
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	45.523.375.025	502.681.903.780	33.878.631.576	582.083.910.381
Tại ngày cuối năm	85.975.471.689	509.076.102.796	29.584.354.581	624.635.929.066

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 29.833 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 27.356 triệu VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Hệ thống đường trục Bắc Nam (tuyến B)	45.058.180.425	10.109.586.726
Trung tâm dữ liệu Quận 9	26.485.791.986	16.672.826.425
Chi phí xây dựng hệ thống điều hòa chính xác	15.691.111.775	-
Khối nhà chính, các hạng mục phụ trợ hệ thống cấp thoát nước Tòa nhà 1B	11.849.646.716	4.006.206.080
Khác	29.030.187.328	18.161.080.105
	128.114.918.230	48.949.699.336

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động viễn thông	1.300.762.452.613	1.185.633.003.998
Các khoản khác	1.772.803.986	1.772.804.061
	1.302.535.256.599	1.187.405.808.059
b. Dài hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động viễn thông	5.724.987.341	8.132.337.054
Các khoản khác	36.785.684.749	38.558.488.834
	42.510.672.090	46.690.825.888

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lương cán bộ nhân viên	305.922.268.449	246.833.295.541
Chi phí lãi vay	87.241.291.181	75.695.768.755
Các khoản khác	181.070.376.711	251.356.784.970
	574.233.936.341	573.885.849.266

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.446.703.994	204.263.238.848
Các khoản trích theo lương	17.119.922.882	14.433.475.459
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.159.204.283	1.100.904.683
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.948.424.200	18.123.068.447
	155.674.255.359	237.920.687.437

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.292.088.345.536	3.292.088.345.536	5.138.670.826.580	4.556.340.525.726	3.874.418.646.390	3.874.418.646.390
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	69.999.183.642	69.999.183.642	202.220.754.280	69.999.183.642	202.220.754.280	202.220.754.280
	<u>3.362.087.529.178</u>	<u>3.362.087.529.178</u>	<u>5.340.891.580.860</u>	<u>4.626.339.709.368</u>	<u>4.076.639.400.670</u>	<u>4.076.639.400.670</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	237.714.628.160	237.714.628.160	332.282.027.777	69.999.183.642	499.997.472.295	499.997.472.295
	<u>237.714.628.160</u>	<u>237.714.628.160</u>	<u>332.282.027.777</u>	<u>69.999.183.642</u>	<u>499.997.472.295</u>	<u>499.997.472.295</u>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	69.999.183.642				202.220.754.280	
- Số phải trả sau 12 tháng	167.715.444.518				297.776.718.015	

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	202.220.754.280	69.999.183.642
Trong năm thứ hai	219.443.384.681	101.357.518.170
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	78.333.333.334	66.357.926.348
	<u>499.997.472.295</u>	<u>237.714.628.160</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(202.220.754.280)	(69.999.183.642)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>297.776.718.015</u>	<u>167.715.444.518</u>

19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/FTEL ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Công ty và Nghị quyết số 01-2019/FO-NQ-HDQT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty thông qua kế hoạch năm 2019, trong đó Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích không quá 10% lợi nhuận sau thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền lần lượt là 139.868.908.911 VND và 25.606.689.166 VND.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.507.832.590.000	7.652.995.729	34.572.210.000	(300.150.000)	246.879.179.072	1.239.853.363.572	3.036.490.188.373	265.193.868.773	3.301.684.057.146
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1049.347.341.503	1049.347.341.503	110.248.792.611	1.159.596.134.114
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	142.910.354.961	(142.910.354.961)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(109.493.134.579)	(109.493.134.579)	(110.25.011.681)	(120.518.146.260)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	753.764.650.000	-	-	-	-	(753.764.650.000)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	12.738.596.201	-	-	-	-	12.738.596.201	17.546.045.399	30.284.641.600
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(226.129.709.000)	(226.129.709.000)	(17.137.311.000)	(243.267.020.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(17.901.268.087)	(17.901.268.087)	11.348.649.142	(6.552.618.945)
Số dư đầu năm nay	2.261.597.240.000	20.391.591.930	34.572.210.000	(300.150.000)	389.798.534.033	1.038.992.588.448	3.745.052.014.411	376.175.033.244	4.121.227.047.655
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.351.359.851.256	1.351.359.851.256	111.857.695.509	1.463.217.546.765
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	209.803.363.366	(209.803.363.366)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(154.289.782.999)	(154.289.782.999)	(11.185.815.078)	(165.475.598.077)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	226.127.600.000	-	-	-	-	(226.127.600.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(226.129.709.000)	(226.129.709.000)	(147.450.591.000)	(373.580.300.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(7.496.743.151)	(7.496.743.151)	(15.191.784.426)	(22.688.527.577)
Số dư cuối năm nay	2.487.724.840.000	20.391.591.930	34.572.210.000	(300.150.000)	599.601.897.399	1.566.505.241.188	4.708.495.630.517	314.204.538.249	5.022.700.168.766

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.772.484	226.159.724
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	248.772.484	226.159.724
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.015	30.015
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.015	30.015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.742.469	226.129.709
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	248.742.469	226.129.709

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 2.487.724.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	124.804.562	50,17	124.804.562	50,17	113.458.693	50,17
2. Công ty Cổ phần FPT	113.566.257	45,65	113.566.257	45,65	103.242.052	45,65
3. Các cổ đông khác	10.401.665	4,18	10.371.650	4,17	9.428.964	4,17
	248.772.484	100,00	248.742.469	99,99	226.129.709	99,99
Cổ phiếu quỹ	-	-	30.015	0,01	30.015	0,01
	248.772.484	100,00	248.772.484	100,00	226.159.724	100,00

Cổ tức

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Công ty phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền là 226.129.709.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 1.000 VND/cổ phiếu), chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong năm 2019, Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 226.071.558.900 VND.

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT - Công ty con của Công ty phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền là 191.629.575.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 13.000 VND/cổ phiếu). Tại ngày 01 tháng 8 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành thông báo số 05-2019/FO/TB về việc tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt với số tiền 147.359.450.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 10.000 VND/cổ phiếu). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức trên.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	116.931.797.641	88.680.039.252
Trên 1 năm đến 5 năm	265.281.073.380	226.017.754.422
Trên 5 năm	33.289.165.482	38.898.756.837
Tổng cộng	<u>415.502.036.503</u>	<u>353.596.550.511</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê vẫn phòng tại các chi nhánh và công ty con của Công ty theo các hợp đồng thuê của từng chi nhánh và công ty con.

Ngoại tệ và Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	6.445.209	6.035.971
Nợ khó đòi đã xử lý		
Việt Nam Đồng (VND)	170.875.114.250	171.144.660.818

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác (trong nước và quốc tế). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

23. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	646.999.639.355	607.666.714.552
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.824.611.198.602	8.247.166.154.088
	10.471.610.837.957	8.854.832.868.640
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	(73.184.080.848)	(33.309.726.707)
	(73.184.080.848)	(33.309.726.707)
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 30)	109.340.427.379	119.084.703.549

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	583.711.572.454	619.427.661.218
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.758.681.131.997	3.984.504.339.945
	5.342.392.704.451	4.603.932.001.163

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.247.348.508.066	998.840.076.236
Chi phí nhân công	2.910.534.081.136	2.342.895.437.754
Chi phí dự phòng	91.533.634.230	78.768.534.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.034.453.378	908.170.333.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.244.953.710.760	1.840.240.023.690
Chi phí khác bằng tiền	583.205.309.724	681.804.461.926
	8.063.609.697.294	6.850.718.867.258

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	257.493.956.595	201.308.642.613
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.392.177.496	9.729.131.706
	266.886.134.091	211.037.774.319

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	210.056.968.511	133.046.974.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.429.877.998	12.657.769.756
	215.486.846.509	145.704.744.354

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	344.935.615.565	276.202.846.027
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	344.935.615.565	276.202.846.027

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	21.732.498.727
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	21.732.498.727



29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	1.351.359.855.157	1.049.347.341.503
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(154.289.782.999)	(109.493.134.579)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.197.070.072.158	939.854.206.924
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	248.742.469	248.742.469
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.812	3.778

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2018 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số trình bày trên báo cáo năm trước	226.159.724	4.156
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành trong năm	22.612.760	(378)
Số đã điều chỉnh	248.772.484	3.778

11250
 ĐNG
 NHIỆM
 LOI
 T N
 ĐA - T

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	Cùng Chủ sở hữu
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	Cùng Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần FPT		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	103.242.050.000	344.140.170.000
Chia cổ tức bằng tiền	184.104.348.000	103.242.052.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	23.139.645.835	20.858.991.975
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	306.376.641.520	54.528.975.142
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	6.084.813.533	7.282.620.433
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	304.739.909.820	243.226.907.959
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	33.179.526.958	44.077.037.665
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	608.328.611	1.085.885.614
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	21.939.059.689	23.488.129.630
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	31.716.620.381	195.917.348.335
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	24.997.381.364	23.377.923.846
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	6.554.802.812	4.950.772.197



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản tương đương tiền	2.152.838.401	3.033.497.296
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	2.152.838.401	3.033.497.296
Công nợ phải thu	25.658.359.174	8.796.590.897
Công ty Cổ phần FPT - Hàng hóa dịch vụ	7.454.344.339	537.692.042
Công ty Cổ phần FPT - Phải thu khác	9.709.985	-
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	6.383.181.514	2.042.651.667
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	1.766.511.668	1.276.901.376
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	366.307.328	403.345.812
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	9.678.304.340	4.536.000.000
Công nợ phải trả	37.970.038.328	115.967.026.407
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	15.366.524.127	35.084.855.464
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	168.904.915	65.670.694.089
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	1.292.915.482	226.239.341
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	21.141.693.804	14.985.237.513

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 1.159.204.283 VND, là số tiền cổ tức đã chốt quyền trong năm nhưng chưa được thanh toán (năm 2018: 1.100.904.683 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, Công ty đã chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 23/NQ-HDQT/FTEL ngày 26 tháng 11 năm 2019 và thanh toán cổ tức bằng tiền mặt từ ngày 22 tháng 01 năm 2020.

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2020



DANH BẠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT ELECOM)

**Trụ sở chính:**

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố
Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Văn phòng Hà Nội:**

Tầng 5, Tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn
Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội

**Văn phòng Hồ Chí Minh:**


Lô 37-39A, đường 19, KCX, Quận 7,
Hồ Chí Minh


**Điện thoại:** (84-24)-7300 2222**Fax:** (84-24)-37950047**Website:** www.fpt.vn**Facebook:**www.facebook.com/FptTelecom


CÔNG TY THÀNH VIÊN

01


CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT Tại Hà Nội:


 Tầng 12A, tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh,
Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.


 Điện thoại: (84-24) 7300 2222


 Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận,
P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM


 Điện thoại: (84-28) 7300 2222


 Fax: (84-28) 6297 1197


 Website: www.fpt.vn

02

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận,
P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM


 Điện thoại: (84-28) 7300 9999


 Fax: (84-28) 7300 9998


 Website: www.fptonline.vn

03

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN


 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận,
P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM


 Điện thoại: (84-28) 7300 2222


 Fax: (84-28) 7300 8889

04

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

 Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao,
Phường Tăng Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222

 Fax: (84-28) 7300 8889

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN BẮC

Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 47, Đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tòa nhà V - City, Đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 008, phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Tp. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 584, Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	PG02-05 Khu nhà liền kề Vincom, đường Châu Cầu, Phường Minh Khai, Tp. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Chi nhánh Hải Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 16 - 18 Bà Triệu, Phường Phạm Ngũ Lão, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 186 Phố Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Hòa Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 313 Đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Tp. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 12, QL5A, Phố Nối, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 322 Đường Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, Tp. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Lào Cai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 228, Đường Hoàng Liên, Tổ 36, Phường Cốc Lếu, Tp. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Nam Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 6 đường Đông A, Khu đô Thị Hòa Vượng, Phường Lộc Vượng, Tp. Nam Định
Chi nhánh Nghệ An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 38 khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 195, Đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tổ 18A, phố Minh Hà, Phường Tiên Cát, Tp. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 177 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 4 Khu 1B, Phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 08, Đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, Tp. Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, phường Bồ Xuyên, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 156, Đường Lương Ngọc Quyến, Tổ 13, Phường Quang Trung, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Lô 09, khu nhà ở Thương Mại, Đường Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Tuyên Quang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 118 đường Trần Phú, tổ 17, phường Tân Quang, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	18 Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, Tp. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 822, Đường Điện Biên, Tổ 47, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN TRUNG

Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	94 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	182 - 184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	67 Tăng Bạt Hổ - Phường Yên Đổ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Ninh, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 1,2 tòa nhà 42 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Kon Tum - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	A11 Khu Đô Thị Hưng Phú, Đường Trần Phú, Phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	22 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	20 Lê Lợi, Tp. Đông Hà, Quảng Trị

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN NAM

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Lô 37 - 39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	43B Đường Trần Huỳnh, Phường 7, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	285K chợ Tân Thành, KP3, Phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	498 Quốc lộ 14, khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 55 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	118 Mậu Thân, Phường An Nghiệp, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	196 Hà Huy Giáp, KP1, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	04 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Hậu Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 10 Ngô Quốc Trị, KV3, Phường 5, Tp. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	38C Trần Phú, Phường 4, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	142 Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An
Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 256 Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Chi nhánh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 565 - 567 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 6, Phường 3, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 45, Nguyễn Đán, Khóm 6, Phường 7, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	408B Lê Hồng Phong, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



Báo cáo Thường niên 2019